

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MÙƠI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HS-ST

Ngày: 29-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MÙƠI,
TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phường.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững.
Ông Lê Hoàng Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông Lương Ngọc Tiến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 29 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 40/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2021, đối với các bị cáo:

1- Nguyễn Thị Thúy T, sinh năm 1989 tại Đồng Tháp; Đăng ký HKTT: Ấp LA, xã TM, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Cha tên: Nguyễn Văn M (Chết); Mẹ tên: Nguyễn Thị Bé Z, sinh năm: 1952; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Chồng: Phạm Hoàng L, sinh năm 1985 (Đã ly hôn); Con: Bị cáo có 03 người con, con lớn sinh năm 2013 và con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền sự và tiền án: Không; Tạm giữ ngày: 29/01/2021; Tạm giam ngày: 07/02/2021; Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

2- Phan Văn H, sinh năm 1997 tại Đồng Tháp; Đăng ký HKTT: Ấp 3, xã DBK, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; Cha tên: Phan Văn X (chết); Mẹ tên: Châu Thị Th, sinh năm: 1981; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ và con: Chưa con; Tiền sự: Ngày 29/11/2019, bị Ủy ban nhân dân xã Đốc Binh Kiều áp dụng biện pháp giáo dục tại xã do nghiện ma túy, thời hạn 03 tháng đến ngày 29/02/2020 chấp hành xong; Tiền án: Không; Tạm giữ ngày: 29/01/2021; Tạm giam ngày: 07/02/2021; Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo H:* Bà **Ngô Thị Thanh** là luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 29 tháng 01 năm 2021, Nguyễn Thị Thúy T cùng Phan Văn H đang ở nhà trọ Kim Loan tại xã ML, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp (T và H sống chung như vợ chồng) thì có người tên Tư (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) điện thoại kêu T đi giao ma túy cho người khác và nhận tiền công là 500.000 đồng thì bị cáo T đồng ý. Bị cáo T nói với bị cáo H là đi giao ma túy cho anh Tư thì H đồng ý. Bị cáo H dùng xe mô tô biển số 66P2-228.34 của bị cáo T chở bị cáo T và Nguyễn Hoàng L (con bị cáo T) đi đến xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang thì gặp anh Tư đưa bị cáo H 01 gói thuốc hiệu Jet màu trắng, bên trong có chứa ma túy nhưng không rõ số lượng bao nhiêu, anh Tư kêu đi đến quán nước gần Trung tâm văn hóa huyện Tháp Mười ngồi đợi có người đến lấy ma túy, nhận số tiền 500.000 đồng tiền công từ người mua ma túy. Trên đường đi sợ bị rơi mất bị cáo H đưa ma túy cho bị cáo T bỏ vào túi quần bên phải cất giữ. Khi chạy đến trạm xăng dầu gần Trung tâm văn hóa huyện Tháp Mười thuộc thị trấn Mỹ An chuẩn bị ghé vào quán nước thì bị Công an huyện Tháp Mười bắt quả tang thu giữ trong túi quần bên phải của bị cáo T gói thuốc hiệu Jet bên trong có 02 túi nylon chứa nhiều tinh thể rắn màu trắng.

Ngoài ra, các bị cáo T và H còn khai nhận vào trước ngày bị bắt quả tang khoảng 02 tuần có đi giao ma túy cho anh Tư 01 lần trên đường Hồ Chí Minh đoạn từ cầu Mỹ An đến Huyện đội giao cho người thanh niên (không rõ, họ tên, địa chỉ cụ thể) và nhận 500.000 đồng tiền công từ người mua ma túy.

Tại Kết luận giám định số 106/KL-KTHS ngày 31/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Tinh thể rắn chứa trong 2 túi nylon màu trắng dạng nắp kẹp một đầu có viên màu đỏ, hàn và kẹp kín, được niêm phong trong phong bì ghi ký hiệu A nêu trên gửi giám định đều là chất ma túy, có tổng khối lượng 19,930 gam, loại Methamphetamine (số thứ tự 323 thuộc danh mục II, Nghị định số 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ).

Về vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ:

- 01 (một) gói thuốc nhãn hiệu Jet màu trắng được hàn kín, bên trong có chứa 02 (hai) túi nylon màu trắng dạng nắp kẹp một đầu viên đỏ, hàn kín hai bên, có quần băng keo màu đen, bên trong có chứa nhiều tinh thể rắn màu trắng được lực lượng Công an niêm phong trong phong bì ký hiệu là A, có chữ ký của điều tra viên Thái Bá Bình, chữ ký của đối tượng Nguyễn Thị Thúy T, chữ ký của người chứng kiến là ông Phạm Minh Hải và bà Trương Thị Bích Thủy, có đóng dấu mộc tròn đỏ của Công an thị trấn Mỹ An – Công an huyện Tháp Mười.

- Tiền Việt Nam: 300.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe HAYATE, màu đỏ đen, biển số 66P2-228.34.

Đối với người tên Tư đưa ma túy cho các bị cáo đem đi giao cho người khác do không xác định được họ tên, địa chỉ, không làm việc được, nên tách ra khỏi vụ án này khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 35/CT-VKS-TM ngày 14/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thúy T và Phan Văn H về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Theo Cáo trạng trên thì Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 250; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy T với mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 250 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T với số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 250; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn H với mức án từ 07 năm đến 08 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 250 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo H với số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng, như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu.

Ý kiến của bà Ngô Thị Thanh: Bà thống nhất với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo H. Tuy nhiên, bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề sau:

Thứ nhất: Áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo H là phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra vì do con riêng của bị cáo T bị bệnh nên bị cáo H mới cùng bị cáo T vận chuyển ma túy để kiếm tiền trị bệnh cho con.

Thứ hai: Bị cáo H là lao động chính trong gia đình, nhà của bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử phạt bổ sung bị cáo H với số tiền 10.000.000 đồng.

Thứ ba: Do bị cáo H có ba tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử dưới khung và tuyên bị cáo H với mức án là 05 năm tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội được mô tả trong bản cáo trạng số 35/CT-VKS-TM ngày 14/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là đúng với hành vi của các bị cáo. Các bị cáo thừa nhận đã trực tiếp thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy thuê cho đối tượng tên Tư (Không xác định được họ, chữ lót, năm sinh và địa chỉ cụ thể) để giao cho đối tượng nghiện (Không xác định được họ, chữ lót, tên, năm sinh và địa chỉ cụ thể), với giá 500.000 đồng tại một quán nước gần Trung tâm văn hóa huyện Tháp Mười thuộc khóm 2, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi ghé vào quán nước chưa kịp giao ma túy cho đối tượng nghiện thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ trong người của bị cáo T 02 túi nylon bên trong chứa nhiều tinh thể rắn màu trắng (được niêm phong trong phong bì ghi ký hiệu A), theo kết luận giám định thì tinh thể rắn màu trắng này là chất ma túy, có khối lượng là 19,930 gam, loại Methamphetamine. Ngoài lần vận chuyển ma túy trên, các bị cáo còn thừa nhận đã trực tiếp thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy thuê cho đối tượng tên Tư để giao cho đối tượng nghiện (Không xác định được họ, chữ lót, tên, năm sinh và địa chỉ cụ thể), với giá 500.000 đồng tại đường Hồ Chí Minh đoạn từ cầu Mỹ An đến Huyện đội thuộc thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ khả năng nhận thức hành vi của mình. Các bị cáo biết rõ hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ tư lợi, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Trong vụ án này, các bị cáo đã thực hiện hoàn thành tội phạm. Các bị cáo đã thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy 02 lần. Đồng thời, trong vụ án này các bị cáo đã vận chuyển trái phép chất ma túy có tổng khối lượng là 19,930 gam, thuộc trường hợp quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

[4] Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng, biên bản phạm tội quả tang, kết luận giám định, cùng với các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[5] Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận, hành vi phạm tội của các bị cáo đã cấu thành tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

[6] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Hơn thế, bản thân các

bị cáo đều nhận thức được ma túy là loại độc tố nếu sử dụng sẽ bị ảnh hưởng đến sức khỏe, trí tuệ và hạnh phúc gia đình, đồng thời đây cũng là con đường chính dẫn đến lây nhiễm và lan truyền HIV. Đặc biệt trong tình hình hiện nay, ma túy đang là tệ nạn của xã hội, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác, ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống của mỗi con người, mỗi gia đình và toàn xã hội. Đã có bao nhiêu gia đình phải tan vỡ, vợ mất chồng, con mồ côi cha mẹ khi gia đình đó có thành viên là con nghiện ma túy. Hàng ngày, hàng giờ trên các phương tiện thông tin đại chúng nói về các vụ án nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng xảy ra khi người phạm tội là con nghiện, chỉ vì muốn có tiền mua ma túy sử dụng đã thực hiện hành vi phạm tội. Thế mà, chỉ vì mục đích có tiền để thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, bất chấp hậu quả do hành vi của mình gây ra cho xã hội. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để các bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội sau này.

Trong vụ án này, các bị cáo đã cùng tham gia thực hiện tội phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, không có sự phân công, bàn bạc, sắp đặt vai trò cụ thể cho nhau và cũng không chịu sự điều khiển của người nào nên đây được xem là dạng đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, xét về nhân thân (Bị cáo H có nhân thân xấu, ngày 29/11/2019, bị Ủy ban nhân dân xã Đốc Bình Kiều áp dụng biện pháp giáo dục tại xã do nghiện ma túy, thời hạn 03 tháng đến ngày 29/02/2020 chấp hành xong), hành vi, động cơ, tính chất, mức độ và hậu quả trong việc phạm tội của từng bị cáo có khác nhau cho nên cần xem xét đối với từng bị cáo. Đối với bị cáo T là người đã chủ động rủ bị cáo H đi vận chuyển ma túy thuê và bị cáo T cũng trực tiếp thỏa thuận với người tên Tư về cách thức vận chuyển và tiền công nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Đối với bị cáo H mặc dù đã thành niên nhưng thiếu ý thức chấp hành pháp luật, khi nghe bị cáo T rủ thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên thì bị cáo H đồng ý ngay và cũng tham gia trực tiếp thực hiện việc vận chuyển trái phép chất ma túy cho nên bị cáo H phải chịu trách nhiệm là đồng phạm với vai trò người thực hành trong vụ án.

[7] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đồng thời, các bị cáo tự nguyện khai báo với Cơ quan tiến hành tố tụng về lần vận chuyển trái phép ma túy trong vụ án này (trừ lần bị bắt quả tang) trước khi tội phạm hoặc các bị cáo bị phát hiện. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T là có nhiều con và bị cáo H là bộ đội phục viên. Xét thấy, đây không phải là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại

khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo H áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo H là phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra, vì do con riêng của bị cáo T bị bệnh nên bị cáo H mới cùng bị cáo T vận chuyển ma túy để kiếm tiền trị bệnh cho con. Xét thấy, lý do mà người bào chữa cho bị cáo H đưa ra là không phù hợp, tại phiên tòa các bị cáo đều trình bày là do con có dấu hiệu bị bệnh nên mới nhận lời vận chuyển ma túy để lấy tiền đi khám bệnh cho con và chở con theo luôn. Chứng tỏ việc đưa bé bị bệnh không nặng nên mới có thể ngồi theo xe của các bị cáo di chuyển từ huyện Cao Lãnh xuống huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang rồi vòng về huyện Tháp Mười. Do đó, hoàn cảnh của bị cáo H không thuộc trường hợp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đồng thời, không thể lấy lý do cần tiền trị bệnh cho con mà thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này.

[9] *Về hình phạt bổ sung*: Xét thấy đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp một phần. Đối với hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy của các bị cáo cần phạt bổ sung một khoản tiền nhất định để nhằm giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, đối với bị cáo H hoàn cảnh kinh tế khó khăn thuộc diện hộ cận nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

[10] *Về xử lý vật chứng*:

Đối với 01 phong bì ký hiệu A còn lại sau giám định; mẫu tinh thể rắn còn lại sau giám định ký hiệu mẫu số 1, có khối lượng 9,753 gam và mẫu tinh thể rắn còn lại sau giám định ký hiệu mẫu số 2, có khối lượng 9,846 gam. Đây là vật dụng dùng niêm phong chất ma túy để giám định và lượng ma túy còn lại sau giám định nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 gói thuốc nhãn hiệu Jet màu trắng. Đây là vật dụng dùng để chứa ma túy, hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 300.000 đồng đã thu giữ là tài sản cá nhân của bị cáo T, không có liên quan đến hành vi phạm tội. Tuy nhiên, cần tiếp tục quản lý số tài sản này để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe HAYATE, màu đỏ đen, biển số 66P2-228.34. Đây là phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc với người tên Tư và để vận chuyển ma túy trái phép nên cần tịch thu bán nộp vào ngân sách nhà nước.

Trong vụ án này, các bị cáo đã giao ma túy cho người tên Tư 02 lần thu lợi bất chính với số tiền là 500.000 đồng (trong đó lần bị bắt quả tang chưa nhận được tiền công). Đối với số tiền 500.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy của các bị cáo nên cần phải xem xét buộc các bị cáo nộp lại số tiền này để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[11] *Về án phí*: Bị cáo T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo H thuộc diện hộ cận nghèo và tại phiên tòa bị cáo H có xin Hội đồng xét xử miễn án phí. Do đó, bị cáo H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[12] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là có căn cứ và phù hợp một phần nên chấp nhận một phần. Riêng về phần đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo thì như phân tích ở phần trên nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[13] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo H là có căn cứ và phù hợp một phần nên chấp nhận một phần. Đối với phần đề nghị áp dụng điểm g khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo H thì như phân tích ở phần trên nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo H. Đồng thời, đối với đề nghị do bị cáo H có ba tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử dưới khung và tuyên bị cáo H với mức án là 05 năm tù. Xét thấy, như phân tích ở phần trên thì bị cáo H chỉ có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự chứ không phải 03 tình tiết như trình bày của người bào chữa cho bị cáo H. Đồng thời, xem xét đánh giá mức độ hành vi phạm tội của bị cáo ở mức rất nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử không áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự cho bị cáo H. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này.

[14] Đối với người tên Tư (Không rõ họ, chữ lót, năm sinh và địa chỉ) đưa ma túy cho các bị cáo đem đi giao cho người khác. Trong quá trình điều tra, truy tố và tính đến phiên tòa sơ thẩm thì chỉ có duy nhất lời khai của các bị cáo, đồng thời do không biết rõ họ, chữ lót, năm sinh và địa chỉ của đối tượng này nên chưa mời làm việc được. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét xử lý, khi nào có đủ căn cứ sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thúy T và Phan Văn H phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm b, h khoản 2 Điều 250; Điều 17; điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày 29/01/2021.

Căn cứ vào điểm b, h khoản 2 Điều 250; Điều 17; điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn H 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày 29/01/2021.

2/ Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 250 của Bộ luật hình sự:

Phạt bị cáo T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hảo.

3/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì ký hiệu A còn lại sau giám định; mẫu tinh thể rắn còn lại sau giám định ký hiệu mẫu số 1, có khối lượng 9,753 gam và mẫu tinh thể rắn còn lại sau giám định ký hiệu mẫu số 2, có khối lượng 9,846 gam; 01 gói thuốc nhãn hiệu Jet màu trắng.

Tịch thu bán nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe HAYATE, màu đỏ đen, biển số 66P2-228.34.

Tiếp tục quản lý số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) của bị cáo T để đảm bảo việc thi hành án.

(Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười đang quản lý vật chứng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/6/2021).

Buộc các bị cáo T và H phải có trách nhiệm nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc vận chuyển ma túy là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

4/ Về án phí:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Hảo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5/ Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6/ Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh, Huyện;
- TAND Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Chi cục THADS Huyện;
- Bị cáo, các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Lưu: HSVA, VP, (Thi).

Nguyễn Minh Phường